

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH  
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **50/2022/HN-ST**

Ngày: 31/5/2022

V/v: “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*”

**NH DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trịnh Thị Cẩm Linh.

*Các Hội thẩm Nhân dân:* 1. Ông Nhâm Đức Hùng

2. Ông Vũ Văn Hợp

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Lý Văn Toán, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Thúy Kiều, kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2022 tại Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 194/2022/TLST - HNGĐ ngày 01/12/2021 về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2022/QĐXXST - HN ngày 06/5/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2022/QĐST – HN ngày 18/5/2022, giữa các đương sự:

\* Nguyên đơn: Chị Lê Thị Mỹ Nh, sinh năm 1988 (*Vắng mặt*).

\* Bị đơn: Anh Đoàn Văn T, sinh năm 1988 (*Có mặt*).

Cùng địa chỉ: Ấp PN, xã MTB, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo nội dung đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lê Thị Mỹ Nh trình bày và yêu cầu như sau: Chị và anh T chung sống với nhau từ năm 2009. Trước khi chung sống vợ chồng có quen biết nhau khoảng 01 tháng sau thì được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán của địa phương. Đến năm 2012 thì chị và anh T mới thực hiện việc đăng ký kết hôn và đã được UBND MTB cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 06/11/2012.

Sau khi đám cưới được vài tháng thì có mâu thuẫn xảy ra giữa chị và mẹ chồng rồi đến vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T nghe lời gia đình và không lo làm ăn chỉ mê đá gà, chị đi làm thì anh T

ở nhà kiếm chuyện đã đốt hết quần áo của chị, khi chị về biết được thì vợ chồng cãi nhau rồi anh T đánh chị. Chị bỏ đi Bình Dương làm 01 thời gian do con trai bị bệnh nên chị quay về chung sống lại với anh T.

Trong thời gian ở nhà, do vợ chồng không làm ra tiền nên chị quyết định đi Phú Quốc làm thuê, chị có rủ anh T qua Phú Quốc làm chung nhưng anh T không đồng ý, anh chỉ ở nhà nuôi 02 con và hàng tháng chị gửi tiền về cho anh T và 02 con xài. Từ đó, chị thấy bất mãn đối với anh T nhưng chị vẫn cho anh cơ hội để sửa đổi mà anh T vẫn không thay đổi.

Nay, chị xét thấy tình cảm giữa chị và anh T không còn nữa, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được nữa nên chị yêu cầu được ly hôn với anh T. Mặc dù anh T không đồng ý thì chị vẫn cương quyết ly hôn.

- Về con chung: Chị và anh T có 02 con chung là cháu Đoàn Văn N, sinh ngày 05/8/2010 và cháu Đoàn Thị Trâm A, sinh ngày 28/7/2012. Hiện nay, 02 cháu đang sống cùng anh T nên khi ly hôn chị đồng ý giao 02 con cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con nhưng chị sẽ cho con theo khả năng kinh tế của chị.

- Về tài sản chung: Trong quá trình chung sống, giữa chị và anh T không có tạo lập được gì nên chị không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Trong quá trình chung sống, chị và anh T không có nợ ai và cũng không ai nợ chị và anh T nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*\* Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Đoàn Văn T trình bày như sau:* Qua lời trình bày của chị Nh về ngày vợ chồng chung sống, có 02 con chung hiện nay anh đang nuôi dưỡng, không có tài sản chung và nợ chung là đúng nhưng về nguyên nhân mâu thuẫn thì chị Nh trình bày là không đúng, vì từ trước đến nay giữa anh và chị Nh không có xảy ra mâu thuẫn, tự nhiên chị Nh lấy lý do này kia để ly hôn với anh. Do đó, anh không đồng ý ly hôn với chị Lê Thị Mỹ Nh. Nếu như chị Nh cương quyết ly hôn thì anh yêu cầu như sau:

- Về quan hệ con chung: Yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con, không yêu cầu chị Nh cấp dưỡng nuôi con. Tùy theo khả năng của chị Nh muốn cấp dưỡng cho con bao nhiêu cũng được.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh xác định là không có tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*\* Tại phiên tòa:*

- Chị Nh: Vắng mặt.

- Anh T: Đồng ý ly hôn với chị Nh; yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng; tài sản chung và nợ chung không có tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:*

*Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và người tham gia tố tụng:* Đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

*Về quan điểm giải quyết vụ án:* Đề nghị HĐXX ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự và giao 02 con chung cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng; tài sản chung và nợ chung các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét và buộc chị Nh chịu án phí hôn Nh sơ thẩm theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (gọi tắt là HĐXX) nhận định như sau:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Nguyên đơn chị Lê Thị Mỹ Nh khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Đoàn Văn T là tranh chấp dân sự về hôn nhân và gia đình. Qua yêu cầu của đương sự trong vụ án được xác định mối quan hệ pháp luật là “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*”.

Khi nguyên đơn khởi kiện được Tòa án thụ lý vụ án giải quyết thì bị đơn đang cư trú và sinh sống tại ấp PN, xã MTB, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét thấy, vào ngày 06/5/2022 chị Nh có đơn xin xét xử vắng mặt do không có điều kiện và thời gian về tham gia phiên tòa nên HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt chị Nh.

[2] *Về quan hệ hôn Nh:* Chị Nh và anh T chung sống với nhau từ năm 2009, có đăng ký kết hôn tại UBND xã MTB và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 06/11/2012 theo đúng quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Xét yêu cầu của chị Nh về việc ly hôn với anh T. HĐXX xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án chị Nh cho rằng trong gian chung sống giữa chị và anh T có phát sinh mâu thuẫn không hàn gắn được dẫn đến việc anh chị ly thân từ tết Nguyên Đán năm 2022 cho đến nay, nguyên nhân là do anh T không lo làm ăn, khi vợ chồng cãi nhau thì anh T đánh chị và chị cũng có xảy ra mâu thuẫn với mẹ chồng trong thời gian làm dâu. Nhưng anh T xác định, trong thời gian chung sống vợ chồng không có mâu thuẫn xảy ra, chị Nh yêu cầu ly hôn với anh là do chị Nh có quen người đàn ông khác bên ngoài.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần nhằm động viên anh chị trở về chung sống, tiếp tục xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng chị Nh vẫn cương quyết ly hôn và tại phiên tòa anh T đồng ý ly hôn với chị Nh. Xét thấy, chị Nh

vắng mặt nên HĐXX không thể công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa.

Do đó, HĐXX chỉ ghi nhận ý kiến của anh T để làm cơ sở giải quyết vụ án và căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu của chị Nh và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, cho chị Nh được ly hôn với anh T.

[3] *Về quan hệ con chung*: Chị Nh và anh T xác định, anh chị có 02 người con chung là cháu Đoàn Văn N, sinh ngày 05/8/2010 và cháu Đoàn Thị Trâm A, sinh ngày 28/7/2012. Hiện nay, 02 cháu sống cùng anh T từ khi anh chị ly thân đến nay.

Trong quá trình giải quyết, chị Nh và anh T thỏa thuận và thống nhất, giao 02 cháu N và Trâm A cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng. HĐXX xét thấy, việc thỏa thuận của anh chị cũng phù hợp với nguyện vọng của 02 cháu N và Trâm A nên HĐXX ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận này.

Đối với việc cấp dưỡng nuôi con, do anh T không có yêu cầu trong quá trình giải quyết vụ án nên HĐXX không xem xét. Nhưng khi cần thiết, anh T có quyền yêu cầu chị Nh cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung*: Trong quá trình giải quyết chị Nh và anh T xác định, anh chị không có tranh chấp nên HĐXX không xem xét.

[5] *Về án phí dân sự sơ thẩm (Hôn Nh và gia đình)*: Buộc chị Nh phải chịu án phí với số tiền là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Cho chị Lê Thị Mỹ Nh được ly hôn với anh Đoàn Văn T.

2. *Về con chung*: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của chị Nh, anh T, nguyện vọng của 02 cháu N và Trâm A.

Tiếp tục giao cháu Đoàn Văn N (*sinh ngày 05/8/2010, giới tính nam*) và cháu Đoàn Thị Trâm A (*sinh ngày 28/7/2012, giới tính nữ*) cho anh T trực tiếp, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

3. *Về án phí dân sự sơ thẩm (Hôn Nh và gia đình)*: Buộc chị Lê Thị Mỹ Nh chịu án phí là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo lai thu số 0001242 ngày 15/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang nên chị Nh không phải nộp thêm.

4. *Quyền kháng cáo*: Anh T có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn là 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 31/5/2022)

Riêng chị Nh vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Châu Thành;
- TAND tỉnh KG;
- UBND xã M TB;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Trịnh Thị Cẩm Linh**